

TRƯỜNG CĐKT LÝ THƯỜNG KIỆT  
TP. HỒ CHÍ MINH

**ĐẾN** Số: 318  
Ngày: 10/5/17  
Chuyên:  
Lưu hồ sơ số:

TT-BLĐTBXH  
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

Bỏ trường Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong Giáo dục nghề nghiệp.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho trường cao đẳng, trường trung cấp và các cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi là Trường).

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khối lượng kiến thức tối thiểu* đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp là số lượng môn học, mô đun hoặc tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo mà người học phải đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo tùy theo từng ngành, nghề và từng trình độ của giáo dục nghề nghiệp.
2. *Năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp* là những kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng làm việc của cá nhân trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm trong giải quyết công việc tương ứng với trình độ và ngành, nghề đào tạo.
3. *Năng lực tự chủ và trách nhiệm* là khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học trong việc tổ chức, thực hiện một công việc và trách nhiệm của cá nhân với nhóm và cộng đồng.

## **Chương II**

### **KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**Điều 4. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng**

#### **1. Trình độ trung cấp**

a) Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ trung cấp là 35 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, 50 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và có thời gian học tập từ 1 đến 2 năm học tùy theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; thực hành từ 55% - 75%.

#### **2. Trình độ cao đẳng**

a) Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ cao đẳng là 60 tín chỉ và có thời gian học tập từ 02 đến 03 năm học tùy theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; thực hành từ 50% - 70%.

**Điều 5. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng**

1. Đào tạo trình độ trung cấp yêu cầu người học sau khi tốt nghiệp phải có năng lực thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, cụ thể:

a) Kiến thức:

- Kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối rộng trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo;

- Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin;

- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

2. Đào tạo trình độ cao đẳng yêu cầu người học có năng lực thực hiện được công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của ngành, nghề đào tạo; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc, cụ thể:

a) Kiến thức:

- Kiến thức thực tế và lý thuyết rộng trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo;

- Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo.

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng;

- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo;

- Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc;

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### **Chương III**

## **XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH QUY ĐỊNH KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG THEO TỪNG NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO**

**Điều 6. Mục tiêu xây dựng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo**

1. Xây dựng và ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo để công khai với xã hội, người học và người sử dụng lao động biết được về chuẩn năng lực nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, loại hình công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp mỗi cấp trình độ theo từng ngành, nghề đào tạo.

2. Tăng cường quan hệ hợp tác, gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng lao động, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

3. Làm cơ sở để các trường xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo.

**Điều 7. Nội dung Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo**

Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu chuyên môn của từng ngành, nghề đào tạo; trên cơ sở thực tiễn đào tạo, điều kiện đặc thù của vùng miền và nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài để bảo đảm khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp có tính khoa học, thực tiễn và thực hiện được trên thực tế. Khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo bao gồm các nội dung sau:

1. Tên ngành, nghề đào tạo
2. Trình độ đào tạo
3. Yêu cầu về kiến thức: kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật; kiến thức chuyên môn của ngành, nghề đào tạo
4. Yêu cầu về kỹ năng
  - Kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề;
  - Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, làm việc độc lập, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học.
5. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm
  - Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân;
  - Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;
  - Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.
6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp
7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp
8. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

**Điều 8. Quy trình xây dựng, ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo**



## 1. Chuẩn bị

a) Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ra Quyết định Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo (sau đây gọi là Ban chủ nhiệm).

b) Tổ chức tập huấn phương pháp, quy trình xây dựng cho Ban chủ nhiệm.

2. Ban chủ nhiệm tổ chức thực hiện việc xây dựng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo theo các bước sau:

a) Xây dựng kế hoạch tổng hợp, kế hoạch chi tiết và thời gian tổ chức thực hiện.

b) Nghiên cứu, điều tra khảo sát về: tiêu chuẩn nghề nghiệp tại các doanh nghiệp; tiêu chuẩn bậc thợ, vị trí việc làm, chức danh trong doanh nghiệp; hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

c) Tổ chức biên soạn mục tiêu, cấu trúc và nội dung Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo được giao (*mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo*).

d) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, giáo viên, các nhà tuyển dụng lao động để hoàn thiện nội dung dự thảo.

đ) Gửi bản dự thảo để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, các nhà quản lý chuyên môn và quản lý đào tạo.

e) Sửa chữa, biên tập tổng thể nội dung dự thảo trên cơ sở thu thập và phân tích các ý kiến góp ý, phản hồi.

3. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra và giám sát trong quá trình tổ chức xây dựng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo.

4. Tổ chức thẩm định Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo.

5. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo để áp dụng trên toàn quốc.

**Điều 9. Quy trình thẩm định Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo**

**1. Chuẩn bị**

a) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định).

b) Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức tập huấn phương pháp, quy trình thẩm định cho Hội đồng thẩm định.

c) Các thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu dự thảo, chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản và gửi cho Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

đ) Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông báo cho Ban chủ nhiệm biết về thời gian, địa điểm họp thẩm định và những nội dung chính cần phải báo trước Hội đồng thẩm định.

**2. Tổ chức thẩm định**

a) Ban chủ nhiệm báo cáo kết quả xây dựng.

b) Các thành viên Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá về bản dự thảo.

c) Ban chủ nhiệm giải trình, tiếp thu các ý kiến của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

d) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp và kết luận về bản dự thảo.

đ) Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức bỏ phiếu đánh giá chất lượng theo các tiêu chí và mức độ đánh giá.

e) Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận về chất lượng và đưa ra hình thức tổ chức thẩm định tiếp theo (nếu có).

g) Lập Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

h) Báo cáo kết quả thẩm định và trình phê duyệt: Chủ tịch Hội đồng thẩm định căn cứ vào bản dự thảo do Ban chủ nhiệm đã hoàn thiện và được Hội đồng thẩm định thông qua; làm tờ trình đề nghị Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định ban hành.

**Điều 10. Ban chủ nhiệm**

1. Ban chủ nhiệm do Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thành lập trên cơ sở đề xuất các thành viên tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, các địa phương, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, các tổng công ty và các trường cho từng ngành, nghề đào tạo.

2. Số lượng, thành phần, cơ cấu Ban chủ nhiệm

a) Số lượng thành viên của Ban chủ nhiệm có từ 07 hoặc 09 thành viên, tùy theo khối lượng công việc được giao.

b) Ban chủ nhiệm gồm: Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Thư ký và các ủy viên.

c) Cơ cấu của Ban chủ nhiệm gồm: cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề; giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, đại diện doanh nghiệp.

### 3. Tiêu chuẩn của Ban chủ nhiệm

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động trong lĩnh vực của ngành, nghề đào tạo.

c) Có uy tín trong lĩnh vực của ngành, nghề đào tạo.

### 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm

a) Tổ chức xây dựng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo.

b) Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức xây dựng nội dung.

c) Trực tiếp tổ chức triển khai hoặc ký kết hợp đồng với các đơn vị để thực hiện các hoạt động xây dựng nội dung.

d) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng công việc được giao; báo cáo trước Hội đồng thẩm định và hoàn thiện bản dự thảo; giao nộp sản phẩm cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp sau khi đã được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu đề nghị ban hành.

## **Điều 11. Hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất thành viên tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, các địa phương, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, các tổng công ty và các trường.

### 2. Số lượng, cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định có từ 07 hoặc 09 thành viên tùy theo từng ngành, nghề, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên.

b) Thành phần Hội đồng thẩm định gồm: cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp, giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề, đại diện doanh nghiệp.

### 3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng thẩm định

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động trong lĩnh vực của ngành, nghề tham gia thẩm định.

c) Có uy tín trong lĩnh vực ngành, nghề tham gia thẩm định.

### 4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thẩm định



a) Hội đồng thẩm định là tổ chức tư vấn về chuyên môn giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc thẩm định và chịu trách nhiệm đối với ngành, nghề tham gia thẩm định.

b) Nhận xét, đánh giá Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo được giao thẩm định.

c) Tổ chức họp thẩm định.

d) Báo cáo kết quả thẩm định gửi Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định phê duyệt ban hành.

đ) Hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định gồm: bản nhận xét, đánh giá và phiếu đánh giá của từng thành viên Hội đồng thẩm định; biên bản các lần họp của Hội đồng; báo cáo quá trình tổ chức và kết quả thẩm định; tờ trình đề nghị Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt.

#### 5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định làm việc dưới sự điều hành của Chủ tịch hội đồng.

b) Phiên họp của Hội đồng thẩm định đảm bảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch và Thư ký.

c) Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; từng thành viên của Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá về bản dự thảo; nghe ý kiến giải trình của Ban chủ nhiệm; Hội đồng thẩm định tổ chức bỏ phiếu đánh giá; Chủ tịch Hội đồng kết luận.

d) Biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự.

### **Điều 12. Các điều kiện đảm bảo Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo**

1. Trên cơ sở Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo đã được ban hành, các trường củng cố và tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng để thực hiện đúng theo quy định; đảm bảo các chuẩn về: chương trình, giáo trình đào tạo; cơ sở vật chất thiết bị thí nghiệm, thực hành, thực tập; đội ngũ giảng viên, giáo viên, phương pháp giảng dạy, thi kiểm tra, đánh giá; liên kết giữa trường với doanh nghiệp và các tổ chức hoạt động xã hội nghề nghiệp khác.

2. Ít nhất 03 năm một lần, Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo phải được rà soát, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, sự phát triển của khoa học, công nghệ và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, yêu cầu của các doanh nghiệp.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo việc tổ chức xây dựng và ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được tại các trường.

2. Chỉ đạo việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo phù hợp với những thay đổi của khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất và dịch vụ của thị trường lao động.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo.

Chỉ đạo các trường trực thuộc căn cứ Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo để xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và ban hành chương trình đào tạo của trường mình.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các trường**

1. Căn cứ vào Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo được ban hành để tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường mình.

2. Kiểm tra, thanh tra nội bộ và tự đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của trường.

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2017.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trường cao đẳng,

trường trung cấp và các cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH, Website Bộ;
- Lưu: VT, TCGDNN (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Doãn Mậu Diệp**

**Phụ lục: Mẫu định dạng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo**

*(Kèm theo Thông tư số 12/2017/TT- LĐTBXH ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

## **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC  
MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

**TRÌNH ĐỘ: .....**

**NGÀNH/NGHỀ: .....**

**MÃ NGÀNH/NGHỀ: .....**

**Ngày.....tháng.....năm 20.....**

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC  
MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

**TRÌNH ĐỘ .....**

**NGÀNH/NGHỀ .....**

1. Giới thiệu chung về ngành/nghề
2. Kiến thức
3. Kỹ năng
4. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm
5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp
6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ



# KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC CHO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

## 1. Tên vị trí việc làm A

1.1. Kiến thức

1.2. Kỹ năng

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1.4. Các đơn vị năng lực của vị trí việc làm

1.4.1. Danh mục các năng lực của vị trí việc làm

| STT                        | TÊN ĐƠN VỊ NĂNG LỰC | BẬC (theo tiêu chuẩn kỹ<br>năng nghề quốc gia |          |          |          |          |
|----------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|
|                            |                     | Bậc<br>1                                      | Bậc<br>2 | Bậc<br>3 | Bậc<br>4 | Bậc<br>5 |
| 1. CÁC NĂNG LỰC CƠ BẢN     |                     |                                               |          |          |          |          |
| 1.1                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 1.2                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 1.3                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| ...                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 2. CÁC NĂNG LỰC CHUNG      |                     |                                               |          |          |          |          |
| 2.1                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 2.2                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 2.3                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| ...                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 3. CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN |                     |                                               |          |          |          |          |
| 3.1                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 3.2                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| 3.3                        |                     |                                               |          |          |          |          |
| .....                      |                     |                                               |          |          |          |          |

1.4.2. Yêu cầu kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho từng năng lực (Trình bày các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho từng năng lực của từng vị trí việc làm).

*a) Các năng lực cơ bản*

- Yêu cầu kiến thức

- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

*b) Các năng lực chung*

- Yêu cầu kiến thức
- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

*c) Các năng lực chuyên môn*

- Yêu cầu kiến thức
- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

**2. Tên vị trí việc làm B:**

2.1. Kiến thức

2.2. Kỹ năng

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

2.4. Các đơn vị năng lực của vị trí việc làm